

# TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

## Tập 5

*Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không*

*Thời gian: Ngày 09 tháng 04 năm 2010*

*Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi! Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải hàng thứ nhất, trang thứ ba, xem từ hàng thứ nhất.

“*Một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã chỉ ra, tức là lý tánh bốn giác của chúng sanh, nên biết cái tâm năng niệm nhỏ nhiệm này chính là quả giác của Như Lai*”. Phần trước chúng ta đã đọc tới chỗ này rồi, câu này vẫn phải nói rõ ràng cặn kẽ hơn một chút, nó có quan hệ rất lớn đối với việc niệm Phật của chúng ta, cái tâm năng niệm nhỏ nhiệm này là chân tâm, mà cũng là vọng tâm, nhưng trong các thứ vọng tâm thì nó gần với chân tâm nhất. Vì sao vậy? Khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm là chân tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm, nhưng nhỏ nhiệm là vừa mới móng tâm. Bạn xem, nó nằm ở biên giới của chân vọng, cái tâm này khó được, dùng cái tâm này để niệm Phật thì cái tâm ấy chính là quả giác của Như Lai được nói đến ở đây, người ấy không mê, họ không có hoặc, tức là không mê hoặc, lúc một niệm tâm này vừa khởi lên thì chính là A-di-đà Phật, niệm Phật phải niệm theo cách như vậy. Hiện nay chúng ta là phàm phu, là phàm phu lục đạo chính cống, nếu như trong kinh Đại thừa, đức Phật không nói ra cho chúng ta biết thì chúng ta vĩnh viễn không phát giác được niệm tâm này, nó quá vi tế, nhỏ nhiệm có nghĩa là vi tế, cực kỳ vi tế, chúng ta không có cách nào nghĩ tưởng được.

Vì khi chúng ta vừa khởi lên một niệm suy tưởng, Bồ-tát Di-lặc nói với chúng ta, trong một niệm suy tưởng này có “ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”, đây là cái tâm niệm nhỏ nhiệm, chúng ta vừa mới nghĩ tưởng, vừa mới khởi ý niệm, bèn có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Bồ-tát Di-lặc nói với chúng ta, chỉ là một khảy ngón tay, trong khoảng khảy ngón tay, cho nên không cách nào thể hội được điều này. Trong kinh, đức Phật cũng nói rất hay, khi nào bạn mới có thể cảm nhận, quán sát được những ý niệm vi tế này tồn tại? Khi thành Bồ-tát Bát địa, tức là Bồ-tát Bát địa trong kinh Hoa Nghiêm. Trước Thất địa đều không cách nào cảm nhận ra được,

Bồ-tát Bát địa có công phu định lực đến như thế, chúng ta gọi [công phu ấy] là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh ấy đạt đến mức độ tinh thuần như vậy, nên các ngài mới cảm nhận được. Cao hơn nữa là Cửu địa, Thập địa, Thập nhất địa, trên nữa là Diệu giác, đó chính là viên mãn, tức là quả vị Phật cứu cánh viên mãn. Ngày nay chúng ta nên học như thế nào? Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Về phương pháp rèn luyện trong cuộc sống thường ngày thì đại sư Ấn Quang có bí quyết, chúng ta có thể học tập, bí quyết đó là gì? Chính là chữ tử trong từ “sinh tử”, thường nghĩ sắp chết đến nơi rồi. Chết không đáng sợ, bạn phải biết được, chết là thân có sinh tử, chứ linh hồn không có sinh tử. Nếu sau khi chết mà không còn gì nữa, linh hồn cũng không còn, vậy chúng ta cũng không cần phải học Phật, cũng không cần phải tu hành, giống như người thông thường nói: “người chết như đèn tắt, chết là hết”. Không phải vậy, thân chết nhưng linh hồn không chết, linh hồn lại đi đầu thai, đây là nói luân hồi trong lục đạo, chuyện này phiền phức lắm. Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ ràng sáng tỏ chân tướng sự thật này thì nhất định không được chết. Trước kia khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, chết rồi thì nguy lắm! Phiền phức rất lớn, nhất định phải vãng sanh Tịnh độ ngay trong đời này, vãng sanh Tịnh độ là thành Phật!

Có thể làm được hay không? Ai cũng có thể làm được, chỉ cần bạn hiểu lời khai thị này của pháp sư Ấn Quang, thường nghĩ thọ mạng của mình chỉ còn một ngày hôm nay, đừng nghĩ sẽ có ngày mai, chỉ có hôm nay thôi, vậy bạn còn có gì mà không buông xuống được? Chỉ còn một ngày hôm nay, hôm nay là ngày cuối cùng, ta phải làm chuyện gì? Thật thà niệm Phật, vậy chẳng phải là thành công rồi sao? Cách niệm như thế nào? Mỗi tế bào trên thân thể ta đều là A-di-đà Phật, mỗi sợi lông đều là A-di-đà Phật. Ta lại mở rộng tầm mắt nhìn ra thế giới bên ngoài, nghe âm thanh bên ngoài, những thứ mà sáu căn tiếp xúc, chẳng có thứ nào không phải là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật trùm khắp pháp giới, đó chính là niệm Phật. Đức Phật nói rất hay trong kinh Đại thừa, hết thấy chúng sanh, chúng sanh ở đây là hiểu theo nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp, hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh ra thì gọi là chúng sanh, có hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp đâu? Cái thân động vật của chúng ta đây là do các duyên hòa hợp, gọi theo danh từ Phật học là tứ đại ngũ uẩn, tứ đại là vật chất, ngũ uẩn là tinh thần của chúng ta, tức là thọ, tướng, hành, thức, tứ đại và ngũ uẩn tổ hợp thành thân thể này. Cây cối hoa cỏ thì sao? Cây cối hoa cỏ cũng vậy, cũng do các duyên hòa hợp mà sanh ra. Chúng ta thấy thân tướng của chúng là hiện tượng vật chất; chúng có thọ, tướng, hành, thức

hay không? Có, nhưng không rõ ràng như động vật, trí độn hơn động vật nhiều, nhưng chúng có [thọ, tướng, hành, thức]. Nếu không có thì làm sao chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với chúng được?

Mười năm gần đây, tôi di dân sang Úc, lập một đạo tràng tại Úc, đất đai ở Úc rẻ, tiền xây cất đạo tràng rất thấp, đất đai đặc biệt rẻ. Hoàn cảnh sống của tôi ở Úc là vùng nông thôn, cách thành phố 12 cây số, lái xe mất 15 phút. Bên ngoài căn nhà tôi ở là vườn, vườn rộng bao nhiêu? Cỡ 170 mẫu Trung Quốc<sup>1</sup>, vườn to như vậy đó. Phía ngoài dùng lưới sắt rào lại, đi vòng quanh hàng rào ấy phải mất một giờ. Vì thế, tôi trồng rất nhiều rau, rất nhiều cây cối hoa cỏ, cây cối hoa cỏ có linh khí, rau có linh khí, thực vật có linh tánh, chúng có thể thấy, nghe, hay, biết, chúng ta dùng tâm thiện chăm sóc, đối đãi với chúng, chúng sẽ báo đáp rất tốt, hoa nở đặc biệt thơm, kết thành quả đặc biệt ngọt, chúng báo đáp lại. Chúng tôi không dùng thuốc trừ sâu và phân hóa học, thuốc trừ sâu và phân hóa học sẽ tổn hại chúng, chúng chẳng muốn tiếp nhận. Chúng giống như chúng ta, có phần tinh thần, Phật pháp nói đến tâm, thực vật có tâm pháp. Người chăm sóc vườn rau, vườn rau của chúng tôi có một người quản lý, vườn rau rất lớn, chúng tôi tổ chức các hoạt động, rau trong vườn có thể cung cấp cho một ngàn người ăn, tổ chức các hoạt động suốt bảy ngày có thể không cần mua rau ở bên ngoài, mỗi ngày vườn rau của chúng tôi có thể cung cấp cho một ngàn người ăn, vườn rau to ngàn ấy, trồng rất nhiều loại. Pháp sư Ngô Khiêm cho tôi biết, cô ấy trông nom vườn rau, một hôm cô nằm mộng, thấy một trái dưa leo báo mộng cho cô: “Tôi đã già lắm rồi mà các cô không hái”. Bạn xem, nó báo mộng cho cô ấy, bởi cô trông nom vườn rau. Hôm sau thức dậy, cô cảm thấy lạ lắm, rất khó hiểu: ngày nào cũng ở trong vườn, có sao chẳng nhìn thấy? Tìm đúng vị trí trái dưa đã chỉ [trong mộng], quả nhiên có một trái dưa, nó khuất sau mớ dây leo nên không nhìn thấy. Cô xem thử, thấy nó đúng là quá già, không thể ăn được nữa, thôi, để lại làm giống vậy! Bạn xem, dưa có thể báo mộng cho bạn. Cho nên nó có linh tánh, bạn đừng xem nhẹ, coi thường nó, bạn phải tôn trọng nó. Không chỉ cây cối hoa cỏ có linh tánh, mà núi sông đất đai cũng có linh tánh, cũng tức là nói khoáng vật có linh tánh. Tiến sĩ Emoto Masaru của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, các nhà khoa học đã thừa nhận điều này, không phải ông ấy bịa chuyện nói bừa, ông đã làm thí nghiệm 12 năm, nước là khoáng vật, nó có thể thấy, nó có thể nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Sau khi tin tức này được

---

<sup>1</sup> Một mẫu (畝) Trung Quốc bằng 666.67 mét vuông.

truyền ra, Phật pháp chúng ta nói là hết thảy khoáng vật, núi sông đất đai đều có linh tánh, cũng chính là nói chúng đều có thọ, tướng, hành, thức. Thân thể của động vật là ngũ uẩn, thực vật và khoáng vật cũng không ngoại lệ, vẫn không lìa ngũ uẩn, chỉ là mức độ mẫn cảm khác nhau. Động vật mẫn cảm nhất, rõ ràng nhất, thực vật kém hơn một bậc, khoáng vật lại kém hơn nữa, nhưng vẫn có linh tánh. Do đó, chúng ta mới thật sự thể hội được một hạt vi trần có phải là A-di-đà Phật hay không? Phải. Một sợi lông có phải là A-di-đà Phật hay không? Phải. A-di-đà Phật ở đâu? Tận hư không, khắp pháp giới, chỗ nào cũng là A-di-đà Phật! A-di-đà Phật là tự tánh, là tánh đức của chúng ta. Một niệm này của chúng ta vừa khởi lên liền tương ưng viên mãn với tánh đức, đó gọi là niệm Phật, cái tâm năng niệm nhỏ nhiệm này chính là quả giác của Như Lai, một chút cũng không giả.

“Do vậy, Quán kinh nói”, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là một trong ba kinh Tịnh độ của chúng ta, bộ kinh này giảng về lý luận và phương pháp tu hành. Còn kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh tông, giới thiệu toàn thể y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, Quán kinh chuyên giảng về hai bộ phận lý luận và phương pháp. Kinh A-di-đà là bản rút gọn của kinh Vô Lượng Thọ, tức là phiên bản tinh giản, thuận tiện cho bạn học tập trong khóa tụng sáng tối. Trong kinh này, Phật bốn lần khuyên dạy, thật chẳng dễ, Phật hết lòng hết dạ khuyên chúng ta hãy tin tưởng, hãy phát nguyện, hãy cầu sanh Tịnh độ, như vậy là đúng, đây là lòng từ bi vô tận của chư Phật Như Lai, mong chúng ta thành tựu ngay trong đời này. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng khuyên chúng ta nhiều như thế, nhưng trong kinh Di-đà khuyên tới bốn lần. Cũng có nghĩa là pháp môn này đảm bảo bạn sẽ thành tựu trong một đời, chỉ cần thật sự làm được không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn thì sẽ thành công, Bồ-tát Đại Thế Chí đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có hai câu như sau: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, hai câu này là nguyên văn trong kinh ấy. “Tâm này là Phật”, tôi vừa giảng nhiều lời như vậy chính là giải thích bốn chữ này, tôi nói các tế bào trên toàn thân chúng ta, tế bào vẫn còn lớn, nếu phân tách tế bào ra thì thành phân tử, lại phân tách phân tử thì thành nguyên tử, phân tách đến cuối cùng là hạt cơ bản, mỗi hạt cơ bản đều là A-di-đà Phật, nó là do tâm biến ra. Hạt cơ bản là tâm, tâm này là Phật, lẽ nào các hạt cơ bản ấy không phải là Phật! Tất cả tế bào trên thân tôi đều là Phật, các tế bào trên thân bạn có phải là Phật hay không? Phải, ngay cả cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai đều là Phật, từ chỗ này bạn liền giác ngộ, đâu có pháp nào không phải là Phật! Giác ngộ rồi thì pháp nào cũng đều như

vậy. Do vậy, kinh Phật vừa mở đầu là dùng câu “tôi nghe như vậy”, như vậy là gì? Như là chân như, “tướng giống như tánh, tánh giống như tướng, tánh tướng không hai”. Tánh là Phật, lẽ nào tướng không phải là Phật! Đâu có lẽ ấy! Tâm này là Phật thì có cái gì mà không phải là Phật! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Phật là gì? Phật là tâm, là chân tâm, không phải là vọng tâm này của chúng ta, đó là gì? Là cái tâm có thể sanh, có thể hiện. Cái tâm có thể biến là thức tâm, là a-lại-da thức, chuyển các tướng “có thể hiện, có thể sanh” thành y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, chuyển thành lục đạo luân hồi, đó là sự việc mà thức tâm làm ra. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước, ý thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, mặt-na chấp trước, thức thứ sáu phân biệt, thiên biến vạn hóa, sách Hoàn Nguyên Quán nói ba loại trùm khắp, “xuất sanh vô tận” chính là nói về ý nghĩa này. Tâm này là Phật, cho nên không có thứ nào mà chẳng phải Phật, dùng tâm này để trì danh, để niệm Phật.

“Tâm này làm Phật”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật chính là làm Phật, niệm Bồ-tát thì làm Bồ-tát, niệm A-la-hán thì làm A-la-hán. Hiện nay người thế gian chúng ta niệm cái gì? Đầu óc niệm tiền, niệm tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, niệm những thứ này. Niệm những thứ này sẽ biến thành những thứ này, niệm cái gì sẽ biến ra cái đó, giống như kính vạn hoa, niệm cái gì sẽ biến ra cái đó, đây không phải là Phật, tiền tài và sắc đẹp là gì? Thừa quý vị, tiền tài và sắc đẹp là ngọc quý, địa ngục. Vì sao vậy? Bạn khởi tâm tham mà. Tâm tham là ngọc quý, sân giận là địa ngục, ngu si là súc sanh, ngu si là không liễu giải chân tướng sự thật, nên gọi là ngu si. Trong thế gian hiện nay, mấy ai hiểu rõ chân tướng sự thật? Nếu chúng ta không học kinh giáo Đại thừa thì không cách nào thoát khỏi ngu si được, chỉ có kinh điển Phật pháp Đại thừa mới giúp chúng ta phá mê khai ngộ. “Ngộ” ở đây không phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, chúng ta hiểu rõ rồi, nhưng vì sao chưa chứng đắc? Vì chưa buông xuống. Thật sự buông xuống là cảnh giới nào? Như tôi vừa mới nói, khi thật sự buông xuống, niệm niệm đều là A-di-đà Phật, không phải là niệm thô, mà là niệm vi tế, niệm niệm thật sự giác ngộ rồi. Trong cảnh giới ấy không có lục đạo, không có mười pháp giới, cảnh giới ấy là cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta gọi cảnh giới ấy là nhất chân pháp giới, nhất là thật, nhị là giả. Bạn đọc đoạn thứ nhất trong tác phẩm Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ, nói về nhất chân, cảnh giới đó là thật, “thể tự tánh thanh tịnh, viên minh”, thể tự tánh thanh tịnh, viên minh là tâm, là Phật, không hai, tâm và Phật là một, không phải hai. Khởi nhị dụng thì sao? Khởi lên nhị dụng

thì biến đổi rồi. Nhị dụng là gì? Vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, ta xuất hiện. Ta là chánh báo, ngoài chính mình ra thì hết thấy mọi hoàn cảnh đều là y báo, trong y báo có y báo nhân sự, tức là hoàn cảnh nhân sự, và y báo hoàn cảnh vật chất, ý niệm vừa khởi lên thì y chánh trang nghiêm liền xuất hiện. Khi nó xuất hiện thì không có biến hóa, đều do tự tánh hiện, thế nên có thể hiện, có thể sanh, nhưng không biến hóa, đây gọi là nhất chân pháp giới.

Nhưng vừa khởi phân biệt thì sẽ biến đổi, quý vị phải biết rằng, khi tâm phân biệt khởi lên thì sẽ không nhìn thấy cõi Thật báo nữa, mà xuất hiện cảnh giới gì? Tứ thánh pháp giới, tức là bốn tầng phía trên trong mười pháp giới, có phân biệt, nhưng không chấp trước. Nếu hơi có một chút chấp trước, chấp trước là gì? Ta muốn không chế nó, muốn chiếm hữu nó, hề có ý niệm như thế thì tứ thánh pháp giới không còn nữa, không nhìn thấy nữa, lại xuất hiện điều gì? Lục đạo luân hồi xuất hiện. Lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước. Thế nên trong lục đạo, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có hết, trong tứ thánh pháp giới có vọng tưởng, có phân biệt, nhưng không có chấp trước; trong nhất chân pháp giới của các cõi Phật, có vọng tưởng, nhưng không có phân biệt và chấp trước. Chấp trước hại chết người, vì sao bạn sống trong thế gian khổ sở như thế? Chính là do chấp trước; chấp trước không còn nữa thì bạn ở thế gian này sẽ vui sướng, không có khổ, bạn bèn lìa khổ được vui. Câu tiếp theo là “tâm này làm Phật” quá quan trọng, vì sao bạn không niệm Phật? Niệm Phật một cách tự tại, niệm Phật được tương ưng thì càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng vui sướng, biết được vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới, hư không giới và chính mình là một thể, bạn liền chứng đắc hai câu “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, đó chính là cảnh giới của bạn. Người này vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sẽ sanh vào cõi nào trong bốn cõi vậy? Sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc liền hoa nở thấy Phật, chứng Vô sanh pháp nhẫn, đó là gì? Thật sự là Bồ-tát A-duy-việt-trí, một chút cũng không giả. Nếu chưa nhập cảnh giới này thì vẫn có thể vãng sanh, gọi là mang nghiệp vãng sanh, pháp môn này thù thắng không gì bằng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn không có mang nghiệp, chỉ có pháp môn này cho phép bạn mang nghiệp vãng sanh. Sanh về cõi Phương tiện, cõi Đồng cư của thế giới Tây Phương Cực Lạc, cõi Đồng cư chính là lục đạo của chúng ta, cõi Phương tiện là tứ thánh pháp giới.

Nhưng cõi Đồng cư và Phương tiện ở thế giới Tây Phương không giống với thế giới của chúng ta, thế giới Ta-bà của chúng ta có chướng ngại, thứ bậc các cõi khác nhau nên không nhìn thấy được, thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng, không có chướng ngại. Điều này giống như điều gì? Chúng ta học tập trong trường, tiểu học và trung học không ở chung một trường, học trò tiểu học không thể đến trường trung học, học trò trung học cũng không thể đến trường tiểu học. Trong tiểu học còn có các khối khác nhau, cùng một khối là đồng học; nếu khác khối, tuy là đồng học nhưng không thường gặp mặt, không cùng lên lớp với nhau. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, tiểu học, trung học, đại học cùng nghe giảng trong một phòng học, cho nên gặp mặt mỗi ngày, thật sự là đồng học, học sinh lớp một, lớp hai tiểu học cùng học với các đàn anh sinh viên lớp nghiên cứu năm thứ nhất, năm thứ hai, gọi nhau là huynh đệ, hay đồng học, gặp mặt mỗi ngày, đây là chỗ không thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới không có tình trạng này, không có tình hình này, điều này thù thắng! Do vậy, thế giới Cực Lạc là một sanh thì hết thảy sanh, bạn sanh vào cõi Phạm thánh đồng cư thì dường như cũng đồng thời sanh vào cõi Phương tiện và cõi Thật báo. Đây là lý do vì sao Thích-ca, Di-đà khuyên chúng ta vãng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới cũng khuyên chúng ta vãng sanh, đạo lý là ở chỗ này. Nếu đời này chúng ta không thể vãng sanh thì làm sao xứng đáng với Thích-ca? Làm sao xứng đáng với Di-đà? Làm sao xứng đáng với mười phương chư Phật? Những câu này, câu nào cũng đều là lời chân thật. Thế nên, hai câu nói “tâm này là Phật, tâm này làm Phật” đã nói trọn hết rồi.

Tiếp đó là lời của Hoàng Niệm lão: “*Vốn dĩ là Phật, nay lại làm Phật, cho nên tức thời chính là Phật*”. Câu này không phải là lời khích lệ chúng ta, mà là lời chân thật, nhưng vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề là bản thân chúng ta không dám gánh vác, bản thân chúng ta không dám thừa nhận. Không dám gánh vác, không dám thừa nhận điều này là đúng. Tại sao lại đúng? Vốn dĩ là Phật thì không cần bàn nữa, lời này là thật. Nay lại làm Phật, bạn là hữu danh vô thực. Niệm A-di-đà Phật muốn làm Phật, nhưng có rất nhiều nghi vấn đối với câu Phật hiệu, có thật vậy không? Có rất nhiều câu hỏi trong đó. Niệm câu Phật hiệu này nhưng bên trong xen tạp rất nhiều, xen tạp những thứ gì mà chính bạn cũng không biết, vì sao không biết? Do bạn ngu si, tham sân si. Nếu không ngu si thì bạn sẽ biết mình xen tạp, do ngu si nên xen tạp mà không biết, vì thế công lực của bạn không thuần. Niệm Phật thì ngay lập tức thật sự là Phật, nhưng vì bạn công phu không thuần, bạn không đạt được tiêu chuẩn, đi theo phương hướng này thì không sai, nhưng chưa đạt được

mục tiêu. Làm thế nào để làm được không hoài nghi? Phải nhìn thấu. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi nhìn thấu, buông xuống, nhìn thấu là sáng tỏ, hiểu rõ ràng sáng tỏ chân tướng sự thật. Người căn tánh trung hạ như chúng ta chỉ có thể thông qua kinh giáo mà từ từ sáng tỏ, hiểu rõ, sau khi sáng tỏ rồi thì bạn buông xuống rất dễ, bản thân bạn biết được không buông xuống là sai, hết sức sai lầm. Vì sao phải buông xuống? Vì chúng vốn không có, hết thảy đều là giả, phàm những gì có tướng đều là hư vọng, vạn pháp đều không. Khi đến cõi Thường tịch quang tịnh độ thì nhân quả cũng là không, điều này quý vị phải biết, đến cõi Thường tịch quang thì nhân quả không còn nữa. Trong cõi Thật báo còn có nhân quả, trong Phật môn có câu: “vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không”, trong mười pháp giới thì nhân quả chẳng không, thật ra trong cõi Thật báo vẫn là nhân quả chẳng không, đến cõi Thường tịch quang thì nhân quả mới không còn nữa.

“Thắng chóng, ổn thỏa, thích đáng, phương tiện rốt ráo, đặc biệt kỳ lạ thù thắng, không thể nghĩ bàn”, những câu này là tán thán bộ kinh này, tán thán pháp môn này, thù thắng khôn sánh. Chúng ta có thể gặp được, bạn nói xem phước báo của bạn lớn cỡ nào; thật vậy, trong pháp giới, hư không giới có biết bao Bồ-tát muốn cầu mà không cầu được. Đạo tràng này của chúng ta tuy không lớn nhưng sự đông đảo của thánh chúng thì mật thật của chúng ta không nhìn thấy, nếu bạn nhìn thấy được thì bạn mới biết thánh chúng nhiều, đếm không hết. Tuy chúng ta ở đây mở toang cửa, hoan nghênh mọi người, không có bất kỳ điều kiện gì, nhưng vẫn có thần hộ pháp, có không ít chúng sanh bị thần hộ pháp chặn ở ngoài cửa, không vào được. Chúng ta lập bài vị cho họ chính là thiết lập chỗ ngồi cho họ, để họ có chỗ ngồi, họ có thể vào nghe kinh, đến nơi đây tu hành. Hết thảy pháp toàn là huyền hóa, không có lớn hay nhỏ, lớn hay nhỏ tùy thuộc tâm lượng của bạn, tâm lượng càng lớn thì đạo tràng càng lớn. Tâm lượng nhỏ thì đạo tràng sẽ nhỏ, đạo tràng lớn cũng biến thành đạo tràng nhỏ; tâm lượng lớn thì đạo tràng nhỏ cũng biến thành đạo tràng lớn, điều này không thể nghĩ bàn. “Đó là vì trong các kinh Tịnh độ, chỉ có kinh này nhiếp trọn các điều mâu nhiệm viên mãn”, Tịnh độ có ba kinh, phần trước tôi đã báo cáo với quý vị, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm ghép vào sau ba kinh, trở thành bốn kinh; đại sư Ấn Quang đem chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm ghép vào cuối bốn kinh, trở thành năm kinh Tịnh độ, viên mãn rồi. Tu Tịnh độ có năm kinh này là viên mãn. Trong năm kinh thì bộ kinh nào nói viên mãn nhất, một mảy



may khiêm khuyết cũng không có? Đó là kinh Vô Lượng Thọ, vì thế cổ đại đức tán thán bộ kinh này là cực viên, cực diệu.

“*Lấy phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm làm tông chỉ, lấy đại nguyện mười niệm ắt sanh của Di-đà làm gốc*”, hai câu này rất quan trọng. Phẩm Ba Bặc Vãng Sanh trong kinh này đã nói rất rõ ràng [ý nghĩa của] “*phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm*”. Phẩm Ba Bặc Vãng Sanh gồm bốn đoạn kinh văn: vãng sanh bậc thượng, vãng sanh bậc trung, vãng sanh bậc hạ, đoạn cuối cùng là người tu học Phật pháp Đại thừa, bất luận tu học pháp môn nào, đem công đức đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì đều có thể vãng sanh, bạn thấy cánh cửa của Tịnh độ lớn biết bao. Trong khoa phán, pháp sư Từ Châu đã đặt đề mục cho đoạn này là Nhất Tâm Tam Bối, đặt rất hay, vậy pháp môn này đã gồm thâu toàn bộ Phật pháp vào đó rồi. Phát tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề là gì? Điều này phải thường giảng, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói tâm Bồ-đề là “*chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm*”, trong kinh nói như vậy. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, tâm Bồ-đề được nói là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”, gộp kinh và luận lại xem thì ý nghĩa bèn rất rõ ràng. Thể của tâm Bồ-đề, tâm Bồ-đề cũng chính là chân tâm, thể của chân tâm là gì? Là chân thành, chân thành đến tốt cùng thì gọi là chí thành, tức là tâm chí thành. Khởi Tín Luận gọi là trực tâm, tức là không có mảy may cong vạy nào, đó chính là chân thành, chúng ta chiếu theo kinh luận để hiểu ý nghĩa của nó. Thâm tâm không dễ giải thích, cổ đại đức giải thích là ưa thiện mến đức, giải thích thâm tâm như vậy. Thâm tâm là tự thọ dụng, dành cho chính mình; tâm đại bi là đối với người khác, từ bi đối với người khác. Cho nên, hơn 20 năm trước khi tôi giảng kinh này, tôi đã dùng tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là “*thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*”, đó là thâm tâm, tâm chân thành nói ở trên chính là thể của tâm Bồ-đề. “*Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” là tự thọ dụng, từ bi là tha thọ dụng; nói cách khác, dùng tâm gì đối với chính mình? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng tâm gì đối với người khác? Đại từ đại bi. Đây gọi là phát tâm Bồ-đề.

Chúng ta tu hành là tu điều gì? Chính là tu tâm. Tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Có bình đẳng hay không? Tâm thanh tịnh là giới luật, tâm bình đẳng là thiên định, tâm chánh giác là trí tuệ, giới định tuệ. Bạn đã hiểu rõ chúng ta phải học giới định tuệ như thế nào rồi, nếu trì giới mà tâm không thanh tịnh thì bạn đã uổng công trì giới rồi; tu định mà không khai trí tuệ thì cũng uổng công tu định rồi. Nhờ giới đặc định, do định khai tuệ, cho nên trì giới là phương tiện, không phải là mục

đích, trì giới là phải đạt được thiên định, chính là đạt được bình đẳng, bình đẳng mới là định. Nếu chúng ta thật sự đạt được tâm thanh tịnh rồi thì thừa quý vị, thủy tai trong tam tai không còn nữa. Tâm bình đẳng hiện tiền thì động đất không còn nữa. Hôm nay có một đồng học đưa cho tôi xem một tài liệu, chưa đầy một tháng gần đây, động đất từ cấp sáu trở lên đã xảy ra mười mấy lần tại các nơi trên toàn thế giới, liên tiếp xảy ra như thế là do nguyên nhân gì? Từ cấp sáu trở lên thì đáng sợ lắm, có khi đến cấp tám. Sau khi giác ngộ thì nạn gió bão không còn nữa, ngu si chiêu cảm gió bão. Nếu chúng đắc tâm bình đẳng thì nhiệt độ của địa cầu sẽ không tăng lên nữa, sẽ khôi phục lại bình thường. Vì thế đức Phật dạy chúng ta “siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si”, cảm ứng của tham sân si là tai nạn, là bất thường, giới định tuệ là bình thường. Do vậy, phải phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận A-di-đà Phật, chúng ta sẽ thành công trong đời này, những thứ khác đều là giả. Học rộng nghe nhiều cũng tốt, nhưng không kịp nữa rồi! Cho nên, tôi thường khuyên các đồng học, học rộng nghe nhiều là tốt, nhưng sang thế giới Cực Lạc hãy làm, vì sao? Sang bên đó, điều kiện đầu tiên mà chúng ta đạt được là vô lượng thọ, học nhiều bao nhiêu cũng được! Ta có thời gian mà. Ở nơi đây thì sanh mạng quá ngắn ngủi, chúng ta không được lãng phí thời gian, không thể lãng phí. Hơn nữa, ở thế gian này, khi chưa khai trí tuệ thì dẫu học gì cũng không viên mãn, hiểu biết nửa vời, lại còn phạm rất nhiều sai lầm, hà tất phải như vậy? Cho nên phải thật thà, phải nghe lời. Đức Phật dạy chúng ta nhất hướng chuyên niệm, Phật đã dạy như thế trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ. Tông là tông chỉ, tông nghĩa là gì? Là điều quan trọng nhất. Đây là nói về phương pháp tu học, là phương pháp tu học quan trọng nhất, là phương pháp đáng được tôn sùng nhất, mười phương chư Phật đều tán thán, phương pháp tu học chủ yếu của Tịnh tông là nhất hướng chuyên niệm, chữ “tông” có ba ý nghĩa ấy.

“Lấy đại nguyện mười niệm ắt sanh của Di-đà làm gốc”, đây là nguyện thứ 18, “phát tâm Bồ-đề” là nguyện thứ 19, đây là hai nguyện quan trọng nhất trong 48 nguyện. Cổ đại đức nói nguyện nào quan trọng nhất trong 48 nguyện? Mọi người đều nói là nguyện thứ 18, nguyện thứ 18 là mười niệm hay một niệm đều có thể vãng sanh. Điều kiện là gì? Điều kiện là đầy đủ tín nguyện. Một niệm hay mười niệm là chỉ cho lúc nào? Là nói khi bạn vãng sanh, là ý niệm sau cùng lúc bạn rời khỏi thế gian, niệm cuối cùng là A-di-đà Phật, nhờ niệm ấy mà vãng sanh. Vì vậy lúc lâm chung, nếu một niệm sau cùng vẫn còn nghĩ tới tài sản trong nhà thì xong

rồi, sẽ đi vào cõi quỷ; nếu nghĩ tới kẻ nào vu oan cho mình, mình vẫn còn hận họ thì sẽ sanh vào địa ngục. Một niệm cuối cùng quyết định bạn từ nơi này chết đi sẽ sanh về đâu, mấu chốt ở một niệm ấy, thế nên một niệm đó rất quan trọng. Điều quan trọng nhất trong việc trợ niệm là giúp cho người ấy trong niệm cuối cùng đừng quên mất A-di-đà Phật, chúng ta ở bên cạnh người ấy, niệm niệm đều là A-di-đà Phật, nhắc nhở người ấy, công đức đó vô lượng, bảo họ không được có ý niệm nào khác. Cô đại đức làm còn tốt hơn, không cho phép người thân quyến thuộc ở gần người sắp mất, khi người ấy sắp tắt hơi, người thân quyến thuộc tránh để người ấy khởi lên tình chấp, một khi khởi tình chấp thì ngay lập tức bị đọa lạc, đi vào ba đường ác. Người thân quyến thuộc rời khỏi, các đồng tham đạo hữu đến giúp đỡ, đây là chính xác. Dầu người thân quyến thuộc học Phật, tốt nhất cũng nên rời khỏi, kéo nhìn thấy con cháu thì họ sẽ khởi lên tình cảm, lúc đó một khi vừa khởi thì vấn đề liền nghiêm trọng rồi, cho nên người thân quyến thuộc tránh đi là điều hết sức hợp lý.

“*Nêu tỏ sâu xa nhân vãng sanh của ba bậc*”, đức Phật đã nói rất rõ ràng trong kinh, trong hai chương Ba Bậc Vãng Sanh và Chánh Nhân Vãng Sanh, hai chương này đã nói rõ ràng tường tận cho chúng ta rồi. “*Rộng nhiếp cả thánh phàm trong chín pháp giới*”, pháp môn này quá lớn, có năng lực nhiếp thọ chúng sanh trong chín pháp giới. Trong chín pháp giới, ba pháp giới trên là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, chúng ta gọi họ là thánh nhân, Bồ-tát là đại thánh, Thanh văn và Duyên giác là tiểu thánh; trong lục đạo đều là phàm phu, phàm chúng. Niệm Phật vãng sanh Tịnh độ là đi làm Phật, ai nấy đều có phần, quỷ thần cũng có phần, trời người cũng có phần, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng có phần, vấn đề là bạn có phước báo và duyên phận gặp gỡ hay không? Gặp được rồi mà bạn liền tin tưởng, phát nguyện vãng sanh thì sẽ thành tựu. Theo lý mà nói lẽ ra Bồ-tát, A-la-hán dễ thành tựu hơn chúng ta, vì sao trong kinh nói trong mười pháp giới thì cõi người vãng sanh thuận tiện nhất, do nguyên nhân nào? Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có thí dụ nói “giàu sang học đạo khó”; người giàu sang hưởng phước, quên mất hoặc lơ là chuyện học Phật; nghèo khó học đạo cũng khó, người nghèo khó cuộc sống quá khổ, ba bữa còn chưa đủ ăn, bận bịu kiếm sống, không có thời gian để học Phật. Ở cõi người thì sao? Không thể coi là rất giàu có, nhưng cũng không thanh bần, là thuộc gia đình bậc trung, vậy dễ giác ngộ, dễ tu hành, thuận tiện ở chỗ này, chúng ta có thể hiểu được điều này. Cuộc sống của chư thiên tốt đẹp hơn chúng ta, phước báo lớn; còn tam ác đạo thì sao? Quá khổ!

Hiện nay dường như tình hình có chút biến đổi, tôi nghe không ít tin tức, ngay cả ngạ quỷ, địa ngục niệm Phật vãng sanh cũng không ít; ngược lại, con người không tin, người niệm Phật niệm đến cuối cùng sanh vào cõi quỷ, sanh vào địa ngục, chuyện này là như thế nào? Đối với chuyện này, nếu chư vị đọc bộ Đại Thế Chí Viên Thông Chương Số Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, Đại Thế Chí Viên Thông Chương rất ngắn, 244 chữ, mà bản chú giải của ngài là một quyển dày như thế này, bản tôi đọc là sách đóng buộc chỉ, quyển sách dày như vậy. Ở trang cuối, lúc đó tôi đọc nhưng không hiểu, ngài nói người niệm Phật có một trăm thứ quả báo, câu đầu tiên là người niệm Phật đọa địa ngục A-tỳ, đọa ngạ quỷ, đọa súc sanh. Tôi xem xong thấy hết sức nghi hoặc, cầm cuốn sách ấy đến hỏi thầy, tôi học kinh giáo với lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi hỏi: “Thưa thầy, niệm Phật là chuyện tốt, nhưng niệm Phật vì sao đọa địa ngục?” Thầy xem rồi bảo: “Đây là một vấn đề lớn, quan trọng lắm, tôi không nói với một mình anh. Khi giảng kinh, tôi sẽ giảng giải đạo lý này cho mọi người”. Thật ra, bạn dùng cái tâm gì để niệm Phật? Bạn niệm Phật nhưng không đoạn tham sân si, tham sân si mạn nghi gọi là năm độc, bạn dùng tâm năm độc này để niệm Phật thì vẫn đọa địa ngục, cho nên không thể không hiểu nhân quả. Vậy thì niệm Phật có uổng công hay không? Không uổng công niệm Phật, trong a-lại-da thức đã gieo hạt giống Phật, trước hết bạn phải gánh chịu quả báo do những tội nghiệp mà bạn đã tạo ra, đợi đến khi bạn thoát khỏi địa ngục, không biết tới đời nào đó, lại được thân người, lại gặp Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh độ, bạn lại tu tiếp. Thế nên, chỉ có thể nói là trong a-lại-da thức đã gieo hạt giống niệm Phật, hạt giống ấy vĩnh viễn bất hoại, sau này nhất định sẽ khởi tác dụng. Lợi ích ấy cũng rất thù thắng, nhưng bạn luân hồi trong lục đạo thì vẫn phải chịu hết các nỗi thống khổ. Do vậy, niệm Phật phải dùng tâm Bồ-đề để niệm: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, bạn dùng tâm này để niệm, vậy sẽ hoàn toàn tương ứng, chân thật là một niệm tương ứng thì niệm đó là Phật, niệm tương ứng thì niệm niệm là Phật.

*“Tỏ rõ pháp trì danh niệm Phật, chỉ thẳng con đường vãng sanh trở về nguồn. Vì thế, kinh này được gọi là kinh bậc nhất của Tịnh tông”.* Quả thật tổ sư đại đức đã chỉ rõ phương pháp trì danh niệm Phật cho chúng ta rồi, đây là chỉ thẳng, không đi đường vòng, chỉ thẳng là chỉ ra con đường gần nhất, con đường thẳng ấy không ngoằn ngoèo. Dẫn đến đâu? Vãng sanh trở về nguồn, trở về nguồn là trở về nguồn gốc ban đầu, nguồn gốc ban đầu là gì? Tự tánh. Ý chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là từ tự tánh biến hiện ra, tự tánh có thể sanh, có thể

hiện, a-lại-da có thể biến, đây là y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta gặp Phật Bồ-tát; Phật Bồ-tát cũng ở trong mười pháp giới, cũng ở đây lòng vòng như chúng ta, đang chịu khổ chịu nạn, nhưng các ngài giác ngộ, đã trở về nguồn, trở về tự tánh rồi, thông thường chúng ta nói các ngài đã thành Phật, thành Bồ-tát, trở về tự tánh rồi. Các ngài hiểu rõ ràng sáng tỏ, nên các ngài đến chỉ dạy, giáo hóa chúng ta làm thế nào thoát ly biển khổ. Lục đạo là biển khổ, là chỗ sâu thẳm trong biển khổ, tứ thánh pháp giới là vùng duyên hải, chỗ biển cạn, lên được bờ mới tính là thoát ly. Bờ ấy được gọi là bờ bên kia, là bờ Niết-bàn bên kia, Niết-bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bờ bên kia là cõi Thật báo trang nghiêm, đức Phật giáo hóa chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh [đạt đến Niết-bàn] mới được xem là viên mãn. Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất của Tịnh tông, đồng học Tịnh tông không thể không học.

Lại xem tiếp: *“Nhưng kinh điển quý báu thù thắng bậc nhất của Tịnh tông này đã bị phủ bụi trong Đại tạng kinh nước ta hơn một ngàn năm”*. Kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, vào thời đại Đông Hán, thời Hậu Hán, khi ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ bèn được truyền sang Trung Quốc, cho nên cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất. Thời đại Đông Tấn, đại sư Huệ Viễn lập niệm Phật đường tại Lô Sơn, tức là niệm Phật đường Đông Lâm, nay là chùa Đông Lâm, [là đạo tràng] cho các đồng học chuyên tu Tịnh độ, trong ấy có người tại gia lẫn xuất gia, tổng cộng 123 người, 123 người cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Nói cho quý vị biết, kinh điển để họ làm căn cứ là kinh Vô Lượng Thọ, vì khi đó kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A-di-đà đều chưa được truyền sang Trung Quốc, kinh điển Tịnh tông chỉ có một bộ này. Vì thế tổ đời thứ nhất, cả nhóm người của đại sư Huệ Viễn đã dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, không dễ dàng! Đối với bộ kinh này có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thật sự hành, đâu phải việc dễ! Chúng ta xem truyện ký của đại sư Huệ Viễn trong Cao Tăng Truyện, bạn có thể thấy được khí thế tu hành sôi nổi thuở ấy. Họ kết giới an cư, phía trước đạo tràng có một con suối nhỏ, tên là Hồ Khê, chúng tôi suy đoán chắc là khi ấy trên núi có cộp, nên mới gọi là Hồ Khê. Hồ Khê là giới tuyến của họ, người tu hành nhất định không rời khỏi giới tuyến này. Tại Trung Quốc thì Nho, Thích, Đạo là một nhà, nên có một câu chuyện về Viễn công gọi là Hồ Khê tam tiểu. Có hai người bạn thân đến thăm ngài, Đào Uyên Minh là nhà Nho, đạo trưởng Lục là tu Đạo, tới Đông Lâm thăm Viễn công, nói chuyện rất cao hứng. Lúc chia tay, Viễn công tiễn họ, vô tình đã vượt qua Hồ Khê,

bước qua chiếc cầu bắt ngang Hồ Khê, sau khi bước qua, ba người cười ha hả, đó là giới tuyến, không thể vượt qua, mà họ lại đi quá lối. Vì thế, văn hóa truyền thống Trung Quốc không tách rời Nho, Thích, Đạo, là cái đỉnh ba chân.

Viễn công nương theo bộ kinh này tu hành, thế nhưng người đời sau không nghiêm túc hạ công phu nơi kinh này như thế, vì không lâu sau đó, ước chừng chưa đầy 50 năm, kinh Di-đà và Quán kinh đều được dịch ra. Quả thật, vào thời kỳ đầu kinh điển tiếng Phạn của Tịnh tông đã được truyền sang Trung Quốc rồi, người thông thường hạ công phu nhiều nhất nơi kinh Di-đà, chú sớ kinh Di-đà cũng nhiều nhất. Hơn 1.000 năm qua, kinh Vô Lượng Thọ không được Tịnh tông chú trọng, vì nguyên nhân gì? Phía sau nói: *“Xét đến nguyên nhân là do năm bản dịch gốc của kinh này, có bản chi tiết, có bản sơ lược, khác biệt quá lớn”*, nguyên nhân có lẽ là như vậy. Năm bản dịch gốc được nói đến ở đây hiện nay được lưu giữ trong Đại tạng kinh, kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch gốc. Trong mục lục các kinh được dịch, từ triều Hán tới triều Tống, có mười hai bản dịch, quá nhiều, rốt cuộc nên theo bản nào? Trong các bản dịch này, khác biệt rất lớn, ở đây Hoàng lão nêu một ví dụ, *“thí dụ đại nguyện của Di-đà”*, chúng ta thường nói 48 nguyện, 48 nguyện là dựa theo bản dịch thời Ngụy và thời Đường, hai bản này là 48 nguyện; trong bản dịch thời Hán và Ngô, Ngô ở đây là nhà Đông Ngô thời Tam Quốc, do Khang Tăng Khải phiên dịch, có 24 nguyện; trong bản dịch đời Tống là 36 nguyện, khác biệt quá lớn. Nếu chỉ có một bản gốc bằng tiếng Phạn, bất luận là ai dịch, đương nhiên văn tự sẽ không giống nhau, nhưng ý nghĩa nhất định là như nhau, các điều trong lời nguyện nhất định sẽ giống nhau, không thể nào có khác biệt lớn đến như vậy. Do đó cổ nhân phán đoán, Thích-ca Mâu-ni Phật khi còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh này, cho nên mới xuất hiện tình hình này. Thế Tôn giảng kinh từ trước tới nay, chưa hề giảng kinh nào hai lần, chỉ giảng một lần, không giảng hai lần, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, chúng tỏ tầm quan trọng của bộ kinh này và tầm quan trọng của pháp môn này, đây là tổ sư đại đức đã chỉ ra cho chúng ta như vậy.

*“Khiến cho người mới học nếu chuyên trì một bản dịch sẽ khó thấu hiểu tông chỉ sâu xa, mà đọc trọn năm bản dịch lại cảm thấy khó khăn”*. Thật khó, bạn thấy vào thời Tống, cư sĩ Vương Long Thư là một vị đại đức lỗi lạc, nhưng chưa đọc được cả năm bản dịch gốc, chỉ xem được bốn bản, cho nên bản hội tập của ông căn cứ trên bốn bản dịch gốc. Bản dịch thời Đường chính là hội Vô Lượng Thọ trong

kinh Đại Bảo Tích, ông Vương Long Thư chưa được đọc bản dịch này, trong bản này có rất nhiều khai thị hay mà bốn bản dịch kia không nhắc tới, vì thế bản hội tập này chưa hoàn mỹ. Bạn nghĩ xem, người có địa vị và giàu có như Vương Long Thư mà còn không cách nào sưu tập toàn bộ năm bản dịch gốc, vẫn thiếu mất một bản, tìm không ra, trước kia tìm một bản kinh là chuyện hết sức khó khăn. Vì thế cổ đại đức dạy chúng ta phải bảo tồn kinh điển rất cẩn trọng, khi đọc phải dè dặt cẩn thận, trên bản kinh nhất định không được đánh dấu hay viết chữ, không được làm hư hại, vì sao vậy? Nhằm lưu truyền cho hậu thế, giúp người đời sau có kinh để đọc. Không như hiện nay, kỹ thuật ấn loát phát triển, thuận tiện như thế, cho nên có người hỏi tôi: “Chúng con có thể viết chữ hay đánh dấu trên cuốn kinh được hay không?” Tôi bảo: “Được”. Vì sao vậy? Quá nhiều rồi, không bị thất truyền; trước kia quá ít, sợ bị thất truyền. Từ thời Tống trở về trước, kinh điển toàn là chép bằng tay, kỹ thuật ấn loát mới được phát minh vào thời Tống, nhưng dùng bản khắc gỗ để in, suy cho cùng vẫn là có hạn lượng, hết sức có hạn. Ấn loát cũng mới phát triển trong 50 năm gần đây, 50 năm về trước thì việc dùng bản xếp chữ đúc chì vẫn khá phiền phức, hiện nay rất thuận tiện, chúng ta phải hiểu điều này. Đối với bản in hiện nay, nếu bạn cảm thấy chỗ nào rất quan trọng thì có thể đánh dấu, có thể dùng màu đỏ gạch chân. Như đại sư Hoàng Nhất đọc sách, dùng các màu khác nhau để đánh dấu, kinh sách nhiều thì có thể làm như vậy.

*“Do vậy, đa số bỏ kinh này để chuyên nghiên cứu kinh A-di-đà”*. Đây là lý do vì sao từ xưa tới nay ít người giảng kinh này, người chú giải kinh này cũng ít. Nhưng đối với kinh A-di-đà thì chú giải nhiều, giảng giải cũng nhiều, do vậy Tịnh tông gần như coi kinh A-di-đà là bộ kinh quan trọng nhất. *“Đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng nói”*, Bành Thiệu Thăng chính là Bành Tế Thanh, *“kinh này ít người xiển dương, thật ra là vì chưa có bản hoàn thiện”*. Lời này nói rất hợp lý, do chưa có bản nào tốt, bạn xem năm bản dịch gốc thì sẽ biết. *“Lời ấy đúng thay, do vậy các vị đại cư sĩ như ông Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thăng và Ngụy Thừa Quán đời Thanh, đều vì hoằng dương kinh này mà trước sau đã làm bản hội tập và bản tiết hiệu”*. Đến phần sau sẽ giới thiệu tỉ mỉ chuyện này. Đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư, Vương Long Thư là Vương Nhật Hưu, từng viết cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, Long Thư là địa danh, cũng chính là Thư Thành ở tỉnh An Huy quê tôi, rất gần với nơi tôi sinh ra. Cuốn Tịnh Độ Văn của ông Vương viết hết sức hay, nhiều người do đọc cuốn sách này mà tu Tịnh độ, tiếp dẫn rất nhiều người. Ngụy Thừa Quán chính là Ngụy Mặc Thâm, là người sống vào niên

hiệu Hàm Phong thời nhà Thanh, những vị này đều là đại đức cư sĩ, Bành Thiệu Thăng sống vào thời Càn Long. Cư sĩ Vương và cư sĩ Ngụy đều hội tập kinh Vô Lượng Thọ, họ soạn bản hội tập. Còn Bành Thiệu Thăng soạn bản tiết hiệu, ông chỉ dùng một bản, tức là bản dịch của Khang Tăng Khải, đem chỉnh lý, san đính lại một lần, người hiện nay chúng ta nói san đính, tức là gạt bỏ những phần khó hiểu, không dễ đọc, tạo thành bản tiết hiệu, trở thành dễ đọc hơn. Vì thế mới có một bản tiết hiệu và hai bản hội tập.

Tiếp theo giới thiệu: *“Đời Tống, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu từng viết Long Thư Tịnh Độ Văn, được bốn biển khen ngợi, truyền tụng đến nay”*. Các đồng học tu Tịnh độ, hình như rất ít ai chưa đọc Long Thư Tịnh Độ Văn. Khi chúng tôi mới học Phật cũng vô cùng thích bộ sách này, viết rất hay, có thể coi như sách để học quốc văn. *“Ông Vương lúc lâm chung, đứng ngay ngắn vãng sanh”*, cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước giờ đi, không sanh bệnh, trong Cư Sĩ Truyện, trong Đại tạng kinh có bộ Cư Sĩ Truyện, và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có ghi chép. *“Đủ chứng tỏ cư sĩ Vương thật sự là bậc đại đức tại gia giải hành đều ưu tú, thù thắng hiếm có trong Tịnh tông nước ta”*. Chúng ta thấy cách ông vãng sanh đã làm biểu pháp cho chúng ta rồi, chúng ta liền biết việc này không giả chút nào, đứng mà ra đi. *“Ông Vương cảm thán sâu sắc việc kinh điển quý giá bị phủ bụi, bèn hội tập bốn bản dịch gốc của các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống thành một bản riêng, đặt tên là Đại A-di-đà Kinh”*. Trong Càn Long Đại tạng kinh có bản này, được đưa vào Long tạng, hình như Đại chánh tạng của Nhật Bản cũng có, Đại chánh tạng cũng thu nhập bản này. Có thể đưa vào Đại tạng kinh tức là bản này đã được cao tăng đại đức các đời công nhận, nên mới có thể nhập tạng, cho nên Đại tạng kinh là tiêu chuẩn thật sự. Nếu chúng ta muốn học kinh điển, nhưng kinh điển ngụy tạo rất nhiều, rốt cuộc kinh nào là thật, bộ kinh nào đáng tin cậy? Vào thời xưa, khi bạn xem Đại tạng, hề có trong mục lục của Đại tạng thì kinh ấy đáng tin cậy, không có trong mục lục thì kinh ấy không đáng tin cậy, đây là lập ra một tiêu chuẩn cho người đời sau. Nhưng tốt nhất là nếu bạn có một bản, hãy đối chiếu trong Đại tạng kinh nếu có bản ấy thì bạn sẽ yên tâm hơn. Bạn thấy ông Vương chỉ dùng bốn bản dịch gốc thuộc các thời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, thiếu bản dịch thời Đường, chỉ có bốn bản!

*“Bản của ông Vương ra đời được trong nước khen là tiện lợi, các tông lâm dùng làm kinh nhật tụng”*. Tông lâm là đạo tràng trong Phật môn, nhà Phật gọi là



tùng lâm, còn hiện nay thì sao? Hiện nay là đại học. Nói thật ra, tùng lâm chính là đại học Phật giáo, chính thức có chế độ, được chế độ hóa. Năm xưa khi Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh dạy học, giống như trường tư thục do tư nhân lập nên, không có chế độ, giống như năm xưa khi Khổng lão phu tử còn tại thế dạy học vậy, không có trường học chính quy có hệ thống, không có! Ở Trung Quốc, đến thời Tùy - Đường, Phật giáo mới chính thức đi vào khuôn khổ, cho nên đây là một điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Năm xưa, thầy Phương giới thiệu cho tôi: “Tùng lâm là một sáng kiến mang tính cách mạng của Phật giáo Trung Quốc, chính thức biến tự viện thành trường học”. Người đứng đầu tùng lâm được gọi là chủ tịch, còn gọi là phương trượng, trụ trì, đó là gì? Hiệu trưởng, trụ trì là chức vị hiệu trưởng. Hòa thượng thủ tọa là trưởng phòng giáo vụ, duy-na là giám thị, giám viên là trưởng phòng hành chính, nó hoàn toàn giống như cách tổ chức, phân công chức vụ trong trường đại học hiện nay, chỉ là danh xưng khác nhau, trên thực tế thì duy-na đúng là giám thị, [phụ trách] hướng dẫn, giáo huấn. Điện đường là phòng dạy học, gọi là “phân tòa giảng kinh<sup>2</sup>”, bạn thích học khoa mục nào, sẽ có thầy chỉ dạy, có giảng đường nhất định, giống như trong nhà trường. Vì vậy, bạn phải hiểu Phật giáo truyền đến Trung Quốc là giáo dục, không phải là tôn giáo, mãi cho đến niên hiệu Càn Long nhà Thanh vẫn chưa bị biến chất, luôn là giáo dục. Tùng lâm là đại học, ngoài ra còn có những ngôi chùa nhỏ, chùa nhỏ là trường chuyên khoa, chỉ học một thứ. Đạo tràng Tịnh tông tu tập năm kinh Tịnh độ, không có phân tòa giảng kinh, là trường chuyên khoa, chuyên nghiên cứu một môn, hoặc cũng học các kinh luận có liên quan đến môn này, tình hình là như vậy.

Ngày nay Phật giáo suy vi, do đâu mà suy? Vứt bỏ giáo học, sau khi vứt bỏ giáo học thì kinh sám Phật sự trở nên hưng vượng, biến Phật giáo thành tôn giáo, thật sự trở thành tôn giáo, chúng ta cũng không thể không thừa nhận, nó quả thật biến thành tôn giáo, đã quên mất gốc rồi, Phật giáo vốn không phải là tôn giáo. Khi Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, bạn tra trong kinh điển, đức Phật không làm Phật sự một ngày nào, nếu làm Phật sự một ngày nào đó thì kinh điển phải ghi chép tường tận, nhưng không thấy. Trong Đại tạng kinh có nhiều tài liệu về kinh sám Phật sự, [những thứ ấy] do người đời sau, tức là tổ sư đại đức đời sau biên soạn,

---

<sup>2</sup> Noid theo câu chuyện đức Thế Tôn chia nửa tòa ngai cho ngài Ca-diếp, nên trong thiên lâm có thông lệ phân tòa thuyết pháp, hoặc phân tòa giảng kinh. Thông thường từ phân tòa chỉ cho vị thủ tọa, người thay thế vị trụ trì thuyết pháp độ chúng, thế nên vị thủ tọa còn được gọi là Phân tòa chức, hay Bán tòa chức.

không phải do Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra. Vì vậy, không thể không biết vì sao Phật giáo trở thành như vậy, suy vi đến tình trạng này, nhất định phải hiểu rõ ràng. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nhiều lần nhắc nhở tôi: “Muốn phục hưng Phật giáo Trung Quốc thì nhất định phải thực hiện từ việc khôi phục chế độ tông lâm”, đó chính là mở trường đại học, phải thực hiện giáo dục. Những năm đầu Dân Quốc có mấy vị [đã làm chuyện này], nhưng thời gian rất ngắn, đều không còn nữa, hình như có một vị pháp sư mở Đại học Hoa Nghiêm, pháp sư Thái Hư mở Phật học viện tại Hạ Môn, pháp sư Viên Anh mở Lăng-nghiêm Chuyên Tông Học Viện tại Thượng Hải, có mấy vị làm nhưng thời gian cũng không dài, sau này đều không còn nữa. Pháp sư Đế Nhân giống như Thích-ca Mâu-ni Phật, suốt đời giảng kinh dạy học, ngài thuộc tông Thiên Thai, đào tạo không ít nhân tài, tôi ở Mỹ còn gặp được mấy vị học trò của ngài. Cho nên việc hội dịch, hội tập là có lý, ông Vương Long Thư hội tập đầu tiên, được các tông lâm dùng làm kinh nhật tụng. “*Long tạng nước ta*”, chính là Đại tạng kinh được biên tập vào thời vua Càn Long, “*và Đại chánh tạng của Nhật Bản cũng đều chọn bản của ông Vương để nhập tạng*”, dùng bản của ông Vương Long Thư, tức là bản hội tập của ông Vương Nhật Hư.

“*Đại sư Liên Trì nói*”, đại sư Liên Trì sống vào cuối thời Minh, khi còn tại thế, ngài đã phục hưng Tịnh độ tông, vô cùng khó được, đạo tràng của ngài ở Hàng Châu. Ngài nói: “*Bản hội tập của ông Vương, so với năm bản dịch gốc thì đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, lưu thông ở hiện đời có lợi ích rất lớn*”. Đây là tổ sư thứ tám của Tịnh độ tông chúng ta, đại sư Liên Trì tán thán đối với ông Vương Long Thư. “*Lại nói, do bản của ông Vương được lưu hành rộng rãi trong đời, người ta quen thấy*”, do được lưu thông rất rộng, người đọc tụng rất nhiều. “*Vì thế, trong tác phẩm Di-đà Sớ Sao, hễ chỗ nào dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, phần lớn đều trích từ bản của ông Vương, đôi khi lấy từ bản dịch gốc*”. Hình như tôi đã giảng A-di-đà Kinh Sớ Sao hai ba lần, quả thật [là một tác phẩm] hết sức hay. Bởi vì trong thời đại đó, chúng ta nhìn vào nội dung sách Sớ Sao liền hiểu được, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc, liền biết những người thời ấy đang bị bệnh gì. Trong thời đại đó, trên lãnh thổ Trung Quốc, Thiên tông của Phật giáo hết sức hưng thịnh, nhiều người lơ là, xem thường Tịnh độ. Do vậy trong Sớ Sao, đại sư Liên Trì đã dùng gì để chú giải kinh A-di-đà vậy? Dùng Hoa Nghiêm, nâng kinh Di-đà lên ngang tầm vóc kinh Hoa Nghiêm, khiến mọi người tôn trọng! Rất tuyệt vời. Quả thật như lời của cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, trong phần sau cũng có dẫn chứng lời này, có đạo lý, cư sĩ Bành Tế Thanh nói: kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung

bản; nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là kinh Vô Lượng Thọ đại bản; lại nói cách khác, kinh A-di-đà là kinh Hoa Nghiêm tiểu bản. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di-đà, một mà ba, ba mà một, đại sư Liên Trì đề xướng điều này, được các bậc cao tăng đại đức trong Phật môn công nhận, tán đồng, Tịnh độ lại được hưng vượng, nên ngài được tôn xưng là tổ thứ tám.

Tổ sư của Tịnh độ tông không giống như trong các tông phái khác, các tông phái là khác là từng đời tương truyền, tức là từ đời này truyền lại cho đời sau, Tịnh độ tông không như vậy, Tịnh độ tông không phải là từng đời tương truyền, mà là sau khi vị đại đức ấy vãng sanh, người đời sau khẳng định vị ấy có công hiến đặc biệt đối với Tịnh độ tông, bèn tôn vị ấy làm tổ sư. Vì thế, tổ sư Tịnh độ tông là do dân bầu chọn, không phải đời này truyền sang đời kia, mà là dân tuyển chọn. Giống như thời cận đại, đại sư Ấn Quang có công hiến rất lớn đối với Tịnh độ tông, mọi người công nhận ngài xứng đáng là vị tổ sư đời thứ mười ba. Nếu tổ tổ tương truyền thì có lẽ đã sáu bảy mươi đời rồi, nhưng Tịnh độ tông mới có mười ba đời. Nếu đời này không có người như vậy thì không ai được chọn, thật sự có công hiến đặc biệt đối với sự tu trì và hoằng dương Tịnh tông thì họ sẽ được người đời sau tôn xưng là tổ sư của thời đại, tổ sư trong Tịnh tông được chọn như vậy, do dân tuyển. Tịnh tông gọi là đại sư, đây cũng là do đặc biệt tôn trọng, cho nên đây cũng là một thường thức cần biết, không được tùy tiện xưng đại sư, danh xưng đại sư trong Phật môn là chuyên dùng để gọi Thích-ca Mâu-ni Phật. Bạn thấy trước đây thầy của hoàng đế gọi là quốc sư, người phiên dịch kinh điển được gọi là tam tạng pháp sư, đại đức trong Thiền môn gọi là thiền sư, vị chuyên nghiên cứu giới luật thì gọi là luật sư, nghiên cứu luận điển có thành tựu thì gọi là luận sư, không ai xưng là đại sư. Chỉ có Tịnh độ tông xưng là đại sư, vì sao vậy? Các vị ấy không khác gì Phật, họ có thể chỉ dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. Bạn xem, Phật độ chúng sanh chẳng phải độ họ thành Phật đó sao? Những bậc đại đức dùng pháp môn này để độ chúng sanh, cũng dạy họ một đời thành Phật, vậy có khác gì Phật đâu? Cho nên đều gọi là đại sư. Vì thế, chỉ có tổ sư Tịnh tông được gọi là đại sư, phải biết thường thức này. Hiện nay, người thông thường chúng ta xưng đại sư là quá đáng rồi, việc này không thể được.

Tiếp theo nói: “*Hơn nữa, đại sư U Khê càng trích dẫn nhiều hơn*”, đây là một vị cùng thời đại với đại sư Liên Trì, cũng là một đại đức trong Tịnh tông, ngài có trước tác bộ Di-đà Viên Trung Sao. Khi chúng tôi mới vừa tiếp xúc với Tịnh

tông, thầy có trao cho tôi ba bản chú giải, ba bản chú giải ấy là chú giải quyền uy nhất của kinh Di-đà, người tu Tịnh độ không thể không đọc. Thứ nhất là A-di-đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì; thứ hai là Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu; thứ ba là Viên Trung Sao của đại sư U Khê, ba bản chú giải này là bản chú giải quyền uy nhất của kinh Di-đà. Trong Viên Trung Sao, hễ trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ thì hoàn toàn dùng bản hội tập của ông Vương Long Thư, trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì, đại khái hơn phân nửa là trích dẫn từ kinh văn bản hội tập của ông Vương Long Thư, phần còn lại vẫn trích dẫn từ các bản dịch gốc. *“Gần đây, trong bài tựa của bộ Viên Trung Sao khắc lại do đại sư Ấn Quang viết, ngài cũng khen ngợi bản của ông Vương cả văn lẫn nghĩa tường tận, đầy đủ, lưu thông rộng rãi trên cõi đời”*. Thời cận đại, trong Ấn Quang Văn Sao có bài này, đây là một thiên văn chương của ngài, trong lời tựa của A-di-đà Kinh Viên Trung Sao khắc lại, ngài đã tán thán như vậy, điều này chứng tỏ việc hội tập là chính xác, phải có người đứng ra làm. Cho nên, trong thời cận đại có người phê bình hội tập là sai lầm, lời này nói không thông.

Có rất nhiều người đến hỏi tôi, đối với bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ở trong nước lẫn Đài Loan đều có những đại đức trong Phật môn phản đối, bảo không nên làm chuyện này, họ tới hỏi tôi. Tôi nói: Nếu chúng ta không thừa nhận việc hội tập, cho là không như pháp thì sẽ có rất nhiều vấn đề, hiện nay trong chùa chiền, quyển khóa tụng sáng tối của chúng ta không phải do Thích-ca Mâu-ni Phật nói, kinh văn và nghi quy trong ấy đều là hội tập, vậy cũng không thể dùng những bản ấy. Bình thường, bạn làm Phật sự, như Từ Bi Tam-muội Thủy Sám, Đại Bi Sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục, những bản ấy toàn là hội tập, thầy đều không thể dùng. Khóa tụng sáng tối trong chùa phải đọc nguyên văn mới đúng, vậy thì rất nhiều tự viện đều có vấn đề, đều không như pháp. Bạn thấy trong Phật môn có bao nhiêu thứ là hội tập của tổ sư đại đức từ xưa đến nay, thế nên phải hiểu đạo lý này, không thể không nói lý. Sau khi bạn hiểu rõ hết rồi thì sẽ biết hội tập là cần thiết, nhất là năm xưa Thế Tôn đã chỉ dạy chúng ta “y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ; y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa; y trí, bất y thức”. Hơn nữa, kinh Đại thừa thường dạy: “Phật không có pháp nhất định để nói”, “pháp còn phải xả, hướng hồ chẳng phải pháp”, nói rõ ràng, nói triệt để như vậy. Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu pháp do đâu mà có? Do con người mà hưng khởi, người ta mắc bệnh gì, đức Phật bèn kê toa thuốc đó, người không có bệnh thì không có toa thuốc, đây là chữa

bệnh. Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này, đây là nói rõ hội tập là chuyện cần phải làm.

Tiếp theo là nói đến những vấn đề trong hai bản hội tập: “*Ông Vương hội tập kinh, tuy có công lớn đối với Tịnh tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm*”, trong ấy có sai sót, đây là sự thật, cho nên điều này cũng phải nhận biết rõ ràng. Hoàng lão nêu thí dụ: “*Bạch khuê có vết, hiền giả than tiếc*”, bạch khuê là ngọc, ngọc có tì vết, thí dụ cho bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư [có khuyết điểm], khiến bậc hiền than tiếc. “*Đại sư Liên Trì nói: “Phần trước thì sao chép, phần sau lại tự viết, lấy bỏ chưa trọn vẹn*”, điều này sẽ được giải thích trong phần sau, “*cư sĩ Bàn Thiệu Thăng chê là: Rối rắm, sai sót, không hợp tôn chỉ của viên giáo*”, những lời phê bình này cũng đều có căn cứ, nếu chúng ta đem năm bản dịch gốc đối chiếu thì bạn liền hiểu rõ. Hiện nay có mấy vị cư sĩ, tôi thấy họ đã đối chiếu sự bất đồng giữa hai bản hội tập với năm bản dịch gốc, làm tốt lắm, rất tốn công. Sau khi bạn xem xong thì mới biết được bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ quá hay, hội tập quá tuyệt! Đúng là hay hơn những bản hội tập trước đó. Do vậy, hiện thời có tổng cộng chín bản, gồm ba bản hội tập, một bản tiết lục, năm bản dịch gốc, tôi in cả chín bản này thành một cuốn. Khi ấy, tôi giảng bản hội tập của lão cư sĩ Hạ ở nước ngoài, sợ có người đến kiểm chuyện, nên tôi in cả chín loại chung với nhau, bạn hãy tự xem đi, nếu họ có thắc mắc, có nghi vấn thì tôi đưa sách này cho người ấy xem, các bạn hãy tự xem đi, không cần tôi trả lời. Chín bản đều có, nhưng đều đọc hết thì thật là khó! Một bản hội tập hay như thế, Thế Tôn đã nói: Đến lúc pháp diệt tận, hết thấy các kinh đều không còn nữa, cuối cùng chỉ còn lại mỗi kinh Vô Lượng Thọ này, nhưng là bản nào của kinh Vô Lượng Thọ vậy? Chắc chắn là bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư, chứ không phải là bản dịch gốc. Chúng ta có thể khẳng định điều này, bản hội tập này quá hay, chúng ta cần phải nhận biết điều này thì mới không đến nỗi hoài nghi kinh này. Người phê bình rất nhiều, sự tu học, thâm nhập kinh giáo của họ đã đạt tới trình độ như ngài Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, Hạ Liên Cư hay chưa? Nếu chưa đạt tới trình độ ấy thì sao có thể tùy tiện phê bình? Cá nhân bạn phê bình thì phải tự gánh nghiệp mà mình đã tạo. Nếu bạn ảnh hưởng đến người khác, khiến người khác sanh hoài nghi đối với bản này, không học tập nữa thì lỗi lớn lắm, bạn đoạn pháp thân huệ mạng của người khác, có phải gánh trách nhiệm nhân quả hay không? Chắc chắn là có! Chúng ta học kinh giáo thì không thể không biết điều này. Hôm nay đã hết giờ, chúng ta học tập đến đây.